



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÀNG AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

cho năm tài chính 2010

MỤC LỤC	
NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Trăng An trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trăng An (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Theo Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 28/12/2007 thì vốn điều lệ của Công ty là: **139.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi chín tỷ

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Địa chỉ: Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 3 9 446 218 Fax: (84-4) 3 9 446 213

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết ngày 22/02/2010 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán: TAS

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

- | | |
|--------------------------|--|
| - Ông Lê Hồ Khôi | Chủ tịch bổ nhiệm ngày 31/08/2010 |
| - Ông Dương Tuấn Thịnh | Chủ tịch miễn nhiệm ngày 31/08/2010 và trở thành ủy viên |
| - Ông Trần Bá Trung | Phó Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Hồng Chương | Ủy viên |
| - Ông Trương Quang Lâm | Ủy viên |

Ban Giám đốc

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| - Ông Lê Hồ Khôi | Tổng Giám đốc |
| - Bà Bùi Lan Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Trịnh Văn Toàn | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan | Kế toán trưởng |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2010.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh chứng khoán và tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định pháp lý hiện hành đối với công ty đại chúng.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 08/03/2007 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN



Lê Hồ Khôi

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 166 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04.62.670.491/492/493 Fax: 04.62.670.494 Website: www.vae.com.vn

Số: 11/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 được lập ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

Theo hướng dẫn tại công văn 518/TCT-CS ngày 14/02/2011 của Tổng cục thuế về việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010 và một số nội dung cần lưu ý về thuế GTGT, TTDB, thuế nhà thầu nước ngoài thì dịch vụ tư vấn tài chính và ứng trước tiền cho người bán chứng khoán chịu thuế suất thuế GTGT 10%. Công ty chưa hạch toán và kê khai khoản thuế này trong năm 2008, 2009 và năm 2010. Theo ước tính số thuế phải nộp lần lượt các năm là 229 triệu, 677 triệu, 611 triệu. Theo đó, doanh thu các năm 2008, 2009, 2010 giảm tương ứng và lợi nhuận lũy kế giảm, thuế phải nộp tăng 1,517 tỷ đồng khi công ty thực hiện hướng dẫn trên.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến chung tôi, ngoại trừ giới hạn kiểm toán nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An cho năm tài chính 2010:

a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010; và

b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc: Công ty chưa áp dụng chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan. Ngoài ra, trong năm Công ty cho nhà đầu tư mua chứng khoán khi không có đủ tiền trong tài khoản và chưa quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (16) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Chứng khoán Tráng An giữ 15 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		347.007.738.101	224.727.236.362
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.470.752.050	66.052.770.960
1 Tiền	111	V.1.	18.470.752.050	66.052.770.960
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.993.816.705	2.452.593.860
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.3.	35.789.922.733	2.551.529.051
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8.796.106.028)	(98.935.191)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	299.390.831.727	155.115.806.187
1 Phải thu của khách hàng	131		2.000.000	16.000.000
2 Trả trước cho người bán	132		174.612.226	171.862.226
4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		294.325.943.403	154.266.508.359
5 Các khoản phải thu khác	138	V.4	4.888.276.098	661.435.602
IV Hàng tồn kho	140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.152.337.619	1.106.065.355
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		2.152.337.619	1.106.065.355
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		31.113.256.773	40.048.171.974
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		4.851.807.431	5.294.116.480
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	3.301.081.069	3.749.366.867
- Nguyên giá	222		7.998.868.052	6.978.204.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.697.786.983)	(3.228.838.124)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6	1.550.726.362	1.544.749.613
- Nguyên giá	228		3.005.371.833	2.419.571.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.454.645.471)	(874.822.220)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	20.059.000.000	27.868.500.000
3 Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		5.059.000.000	12.868.500.000
4 Đầu tư dài hạn khác	258		15.000.000.000	15.000.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		6.202.449.342	6.885.555.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.807.655.664	1.587.671.539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.9	-	2.963.915.168
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	2.947.008.093	984.983.202
4. Tài sản dài hạn khác	268		1.447.785.585	1.348.985.585
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		378.120.994.874	264.775.408.336

Mẫu B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		225.845.442.028	121.466.700.323
I Nợ ngắn hạn	310	V.12	225.845.442.028	121.466.700.323
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312		368.096.344	469.824.644
3 Người mua trả tiền trước	313		148.000.000	33.000.000
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	2.013.922.195	203.324.664
5 Phải trả người lao động	315		-	-
6 Chi phí phải trả	316		-	56.000.000
8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		-	-
9 Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	242.800
10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		3.622.552.000	840.107.600
11 Các khoản phải trả, phải nộp khác	328		219.692.871.489	119.864.200.615
12 Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		152.275.552.846	143.308.708.013
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13	152.275.552.846	143.308.708.013
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		139.000.000.000	139.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		11.130.000.000	11.130.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.145.552.846	(6.821.291.987)
II Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		378.120.994.874	264.775.408.336

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc

Lê Hồ Khôi

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2010	01/01/2010
6 Chứng khoán lưu ký	006	393.322.580.000	423.978.380.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	326.128.820.000	423.978.380.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	3.048.460.000	608.180.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	323.039.960.000	423.370.200.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011	40.400.000	-
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	013	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	54.949.760.000	61.283.460.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	2.540.000	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	54.947.220.000	59.411.900.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	1.871.560.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	-
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	12.244.000.000	-
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	200.000.000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	12.044.000.000	-
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	50	-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Hồ Khởi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1 Doanh thu	01		56.391.009.725	46.818.952.986
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		16.980.423.966	29.807.149.617
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01.2		16.056.604.238	5.130.867.961
Doanh thu bảo lãnh phát hành CK	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành CK	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		7.959.019.278	615.000.000
Doanh thu lưu ký CK	01.6		-	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu tư	01.7		38.709.137	10.975.934
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		15.356.253.106	11.254.959.474
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		56.391.009.725	46.818.952.986
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11		31.160.453.853	20.807.291.148
5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		25.230.555.872	26.011.661.838
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.274.762.762	10.967.222.816
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 - 25)	30		11.955.793.110	15.044.439.022
11 Thu nhập khác	31		-	36.591
12 Chi phí khác	32		-	1.653.883
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(1.617.292)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.955.793.110	15.042.821.730
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		25.033.110	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL2	2.963.915.168	3.761.136.503
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.966.844.832	11.281.685.227
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		645	812

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Ngọc Lan



Lê Hồ Khôi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh CK			
1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	56.391.009.725	46.927.452.986
2 Tiền chi từ hoạt động kinh doanh	02	(22.460.787.325)	(22.548.326.833)
3 Tiền chi từ quỹ hỗ trợ thanh toán	05	-	(513.999.080)
4 Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	12.377.246.838.043	15.525.465.873.084
5 Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(12.422.103.224.221)	(15.521.737.444.980)
6 Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	-	-
7 Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(162.266.518.200)	(31.314.888.300)
8 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	10	(920.473.645)	(1.217.769.341)
9 Tiền chi trả cho người lao động	11	(10.377.615.794)	(6.124.407.952)
12 Tiền thu khác	14	989.937.260.171	509.934.123.343
13 Tiền chi khác	15	(851.419.548.912)	(539.316.041.018)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh CK</i>	20	<i>(45.975.555.849)</i>	<i>(40.649.923.468)</i>
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.606.463.061)	(769.857.257)
2 Tiền thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(1.606.463.061)</i>	<i>(769.857.257)</i>
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	15.000.000.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(15.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</i>	50	<i>(47.582.018.910)</i>	<i>(41.419.780.725)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	66.052.770.960	107.472.551.685
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	18.470.752.050	66.052.770.960

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Hồ Khôi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trăng An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHDKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Địa chỉ: Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Tel: (84-4) 39 446 218 Fax: (84-4) 39 446 213

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **139.000.000.000 VND** (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng Việt Nam). Tương đương với 13.900.000 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Trăng An	2.250.000	16,19%
Công ty Tài chính Bưu điện	900.000	6,47%
Tổng Công ty phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	784.900	5,65%
Các cổ đông khác	9.965.100	71,69%
Tổng cộng	13.900.000	100,00%

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh, tư vấn, môi giới chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015160 ngày 21/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 41/UBCK-GPHDKD ngày 28/12/2006 và Quyết định cấp giấy phép điều chỉnh công ty chứng khoán số 99/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28/12/2007 của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

4. Tổng số nhân viên: 90 người

Trong đó nhân viên quản lý: 15 người

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán đối với các Công ty Chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

2.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ HH mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010
(tiếp theo)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Máy móc, thiết bị	02 - 04
- Phương tiện vận tải	08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

2.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm giao dịch chứng khoán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình với thời gian khấu hao như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Phần mềm giao dịch	04

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: Theo giá trị mua vào thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Theo giá trị tại thời điểm đầu tư.

Tại ngày 31/12/2010, đơn vị chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, do không có cơ sở xác định giao dịch tại ngày 31/12/2010, vì vậy Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ từ 2 - 5 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010
(tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại được thực hiện theo chuẩn mực 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	710.731.104	2.822.552.508
Tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán	7.161.228.299	7.775.039.627
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	10.598.792.647	55.455.178.825
Tổng cộng	18.470.752.050	66.052.770.960

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Đơn vị tính: VND Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
1. Của Công ty chứng khoán	3.435.450	138.899.966.000
- Cổ phiếu	3.429.450	138.299.966.000
- Trái phiếu	6.000	600.000.000
2. Của người đầu tư	314.877.467	11.025.815.013.900
- Cổ phiếu	314.877.467	11.025.815.013.900
Tổng cộng	318.312.917	11.164.714.979.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010
(tiếp theo)

3. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá TT (tăng, giảm)	Đơn vị tính: VND Tổng giá trị theo giá thị trường
I - Chứng khoán thương mại	944.087	35.789.922.733	(8.796.106.028)	26.993.816.705
II - Chứng khoán đầu tư	142.441	5.059.000.000	-	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán (**)	142.441	5.059.000.000	-	-
III - Đầu tư góp vốn	-	-	-	-
IV - Đầu tư tài chính khác		15.000.000.000	-	-
- Góp vốn với Công ty Hữu nghị FORTIKA đầu tư dự án xây dựng nhà cao tầng		15.000.000.000	-	-
Tổng cộng	1.086.528	55.848.922.733	(8.796.106.028)	26.993.816.705

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chứng khoán thương mại	35.798.922.733	2.551.529.051
- Chứng khoán niêm yết	35.798.922.733	2.551.529.051
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(8.796.106.028)	(98.935.191)
Cộng	27.002.816.705	2.452.593.860

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 31/12/2010. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2010.

(**) Đối với các cổ phiếu OTC, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng do không có giao dịch mua bán.

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	2.152.337.619	1.106.065.355
Cộng	2.152.337.619	1.106.065.355

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá tài sản cố định				
1. Số dư đầu năm	4.255.280.721	1.931.282.440	791.641.830	6.978.204.991
2. Số tăng trong năm	1.445.348.274	-	-	1.445.348.274
- Mua sắm mới	1.020.663.061	-	-	1.020.663.061
- Tăng khác	424.685.213	-	-	424.685.213
3. Số giảm trong năm	-	-	424.685.213	424.685.213
- Giảm khác	-	-	424.685.213	424.685.213
4. Số cuối năm	5.700.628.995	1.931.282.440	366.956.617	7.998.868.052
II. Giá trị đã hao mòn				
1. Đầu năm	2.328.812.598	665.098.547	234.926.979	3.228.838.124
2. Tăng trong năm	1.177.519.713	241.410.305	70.397.308	1.489.327.326
3. Giảm trong năm	-	-	20.378.467	20.378.467
4. Số cuối năm	3.506.332.311	906.508.852	284.945.820	4.697.786.983
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu năm	1.926.468.123	1.266.183.893	556.714.851	3.749.366.867
2. Cuối năm	2.194.296.684	1.024.773.588	82.010.797	3.301.081.069

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
I. Nguyên giá tài sản cố định		
1. Số dư đầu năm	2.419.571.833	2.419.571.833
2. Số tăng trong năm	585.800.000	585.800.000
- Mua sắm mới	585.800.000	585.800.000
3. Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý	-	-
4. Số cuối kỳ	3.005.371.833	3.005.371.833
II. Giá trị đã hao mòn		
1. Đầu năm	874.822.220	874.822.220
2. Tăng trong năm	579.823.251	579.823.251
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	1.454.645.471	1.454.645.471
III. Giá trị còn lại		
1. Đầu năm	1.544.749.613	1.544.749.613
2. Cuối năm	1.550.726.362	1.550.726.362

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010
(tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Chi phí trả trước tiền thuê nhà	776.818.468	152.342.668
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	126.350.463	290.101.737
- Chi phí thành lập Công ty	10.820.843	108.028.558
- Chi phí sửa văn phòng	279.027.177	808.628.887
- Chi phí dịch vụ trả trước dài hạn	20.845.000	168.977.407
- Thi công mạng cáp	130.546.655	59.592.282
- Phần mềm các loại	237.167.249	-
- Chi phí khác	226.079.809	-
Cộng	1.807.655.664	1.587.671.539
8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế GTGT đầu ra	749.766.128	514.793
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.033.109	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.239.122.958	202.809.871
Cộng	2.013.922.195	203.324.664
9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	2.963.915.168
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	2.963.915.168
10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tiền nộp ban đầu	984.983.202	447.753.846
- Tiền nộp bổ sung	1.854.663.485	513.999.080
- Tiền lãi phân bổ trong năm	107.361.406	23.230.276
Cộng	2.947.008.093	984.983.202

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÀNG AN

Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 9 446 218 Fax: (84-4) 3 9 446 213

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

11. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	01/01/2010			Phát sinh trong kỳ		31/12/2010			
	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng đã lập
- Phải thu thành viên khác:	16.000.000	-	-	-	14.000.000	2.000.000	-	-	-
- Phải thu của TTGDCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	154.266.508.359	-	-	7.706.136.296.023	7.566.076.860.979	294.325.943.403	-	-	-
- Phải thu tổ chức PHCK hoặc BLPCK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu Trung tâm lưu ký CK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác:	661.435.602	-	-	9.261.059.152	5.034.218.656	4.888.276.098	-	-	-
-Trả trước cho người bán:	171.862.226	-	-	2.750.000	-	174.612.226	-	-	-
Tổng cộng	155.115.806.187	-	-	7.715.400.105.175	7.571.125.079.635	299.390.831.727	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN TRĂNG AN

Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 9 446 218 Fax: (84-4) 3 9 446 213

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2010	Phát sinh trong kỳ		31/12/2010
		Tăng	Giảm	
1.Vay ngắn hạn	-	-	-	-
2.Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
3.Phải trả người bán	469.824.644	815.995.345	917.723.645	368.096.344
4. Người mua trả trước tiền hàng	33.000.000	8.899.301.257	8.784.301.257	148.000.000
6.Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	242.800	55.305.949.235	55.306.192.035	-
7.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	203.324.664	7.164.081.060	5.353.483.529	2.013.922.195
8.Phải trả nhân viên	-	10.377.615.794	10.377.615.794	-
9.Chỉ phí phải trả	56.000.000	-	56.000.000	-
10.Phải trả tổ chức phát hành CK	840.107.600	165.048.962.600	162.266.518.200	3.622.552.000
11.Phải trả, phải nộp khác	119.864.200.615	29.135.521.632.317	29.035.692.961.443	219.692.871.489
- Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	60.070.459.000	6.890.586.084.600	6.926.088.095.600	24.568.448.000
- Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	59.394.610.730	18.242.779.847.703	18.107.192.447.153	194.982.011.280
- Phải trả, phải nộp khác	399.130.885	4.002.155.700.014	4.002.412.418.690	142.412.209
Tổng cộng	121.466.700.323	29.383.133.537.608	29.278.754.795.903	225.845.442.028

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Tầng 9, toà nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3 9 446 218 Fax: (84-4) 3 9 446 213

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2010

Mẫu B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

(tiếp theo)

13. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	01/01/2010	Phát sinh trong kỳ		31/12/2010
		Tăng	Giảm	
Vốn chủ sở hữu				
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	139.000.000.000	-	-	139.000.000.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	11.130.000.000	-	-	11.130.000.000
3.Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4.Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
7.Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
8.Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(6.821.291.987)	8.966.844.833	-	2.145.552.846
Tổng cộng	143.308.708.013	8.966.844.833	-	152.275.552.846

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010
(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	2.963.915.168	3.761.136.503
Cộng	2.963.915.168	3.761.136.503

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tiền của nhà đầu tư	10.598.792.647	55.455.178.825
Cộng	10.598.792.647	55.455.178.825

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin so sánh

Chứng khoán Trăng An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC).

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRĂNG AN

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Tổng Giám đốc

Lê Hồ Khôi